

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC

Ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LONG AN
TRƯỜNG THCS&THPT LƯƠNG HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/QĐ-TTHCS.THPT

Lương Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021
của Trường THCS&THPT Lương Hòa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS&THPT LƯƠNG HÒA

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Xét đề nghị của kế toán Trường THCS&THPT Lương Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 : Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS&THPT Lương Hòa (theo biểu số 02 đính kèm)

Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận :
-Phòng HCQT;
-Lưu: VT



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Vơn

Đơn vị: Trường THCS & THPT Lương Hòa
Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-TTHCS.THPT ngày 26/01/2021 của Trường THCS và THPT Lương Hòa)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	1.224.000
1,1	Thu sự nghiệp	1.224.000
a	Học phí	488.000
b	Thu khác	736.000
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.196.350
1	Chi sự nghiệp được để lại	1.196.350
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.196.350
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.196.350
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	27.650
1	Số thu sự nghiệp nộp NSNN	27.650
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.901.803
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.901.803
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.901.803
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.736.003
	Trong đó 10% tiết kiệm	139.500
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100.800
3.3	Chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức	65.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	

1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	